



míng wǎn

明晚

time noun · tomorrow evening

Example Sentences

míng wǎn wǒ men yì qǐ chí fàn ba

明晚我们一起吃饭吧。

Let's have dinner together tomorrow evening.

míng wǎn yǒu diàn yǐng nǐ xiǎng kàn ma

明晚有电影，你想看吗？

There's a movie tomorrow evening; do you want to watch it?

Trace each character, then write the word on your own.

明	明	明	明	明	明	明	明	明	明	明
晚	晚	晚	晚	晚	晚	晚	晚	晚	晚	晚
晚	晚	晚								